

# Sự hình thành, phát triển của học thuyết pháp trị Trung Hoa cổ đại và ý nghĩa đối với công tác lý luận hôm nay

Đỗ Đức Minh\*

*Ban Thanh tra và Pháp chế, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 01 tháng 10 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 11 tháng 10 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 11 năm 2015

**Tóm tắt:** Trong sự phát triển phong phú và sôi động của trào lưu tư tưởng “*Bách gia chư tử*” ở Trung quốc, *học thuyết pháp trị* do Hàn Phi Tử sáng lập đã xuất hiện trên vũ đài chính trị như là đại biểu đến sau cùng nhưng đã nhanh chóng được đón nhận, trở thành vũ khí lý luận sắc bén của nhà Tần trong việc quyết định cục diện hỗn loạn và thống nhất Trung quốc. Là học thuyết đạt đến đỉnh cao tư tưởng chính trị-pháp lý thời cổ đại, học thuyết pháp trị góp phần tô điểm thêm những giá trị tư tưởng đặc sắc phương Đông trong kho tàng chung của nhân loại đồng thời tiếp tục khẳng định ý nghĩa tích cực với thực tiễn đương đại hôm nay.

*Từ khóa:* Học thuyết pháp trị, Lý luận, Cổ đại.

## 1. Sự hình thành, phát triển của Học thuyết pháp trị Trung Hoa cổ đại

Lịch sử phát triển của tư tưởng nhân loại cũng cho thấy: tất cả các học thuyết tư tưởng đều được ra đời từ những yêu cầu của hiện thực đời sống xã hội và phải trải qua quá trình phát triển lâu dài, với những nấc thang tư tưởng từ thấp đến cao, từ những tiền đề tư tưởng đơn giản đầu tiên để trở thành một học thuyết hoàn chỉnh. Không chấp nhận cách cai trị bằng Lễ đã thành truyền thống của nhà Chu, những chủ trương *đề cao vai trò của pháp luật trong cai trị* của Quản Trọng và Tử Sản (những chính khách của nước Tề và Trịnh thời Xuân Thu) được xem như *sự khởi đầu của đường lối pháp trị*. Tuy nhiên, họ *mới chỉ chú ý đến yếu tố pháp luật*, chủ trương dùng pháp luật thay cho lễ nghĩa

*nhưng chưa thực sự đoạn tuyệt với đạo đức*. Sang thời Chiến Quốc, tư tưởng pháp trị đạt được bước phát triển mới: những người theo tư tưởng pháp trị đã trở thành trường phái *pháp gia* với ba học phái riêng rẽ là: đề cao *Thuật cai trị* của Thân bất Hại, trọng *Thế* của Thận Đáo, chủ trương *Pháp và Biến pháp* (của Thương Ưởng). Họ không chỉ chủ trương dùng pháp luật để cai trị mà còn kết hợp với những phương tiện khác để trị nước; đồng thời, trong tư tưởng của các pháp gia, chính trị đã thực sự ly khai với đạo đức.

Chủ trương của các nhóm Thuật-Thế-Pháp đã phát triển và làm sâu sắc hơn tư tưởng pháp trị so với Quản Trọng và Tử Sản, qua đó đã nâng tư tưởng pháp trị lên một trình độ mới cao hơn. Song tư tưởng của những đại biểu trên đây mới chỉ là những quan điểm thuật pháp riêng rẽ về hành xử chính trị, chưa nhìn thấy sự thống nhất giữa pháp luật với các công cụ tác động là Thuật và Thế, còn *hạn chế căn bản là tính*

\*ĐT: 84-983682040

Email: minhdd@vnu.edu.vn

*phiến diện, chỉ thấy cây mà chưa thấy rừng.* Do chưa tạo ra được cơ sở luận chứng vững chắc, chưa vươn đến tầm một học thuyết nên tư tưởng của họ chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn đặt ra. Vì vậy, những chủ trương của các pháp gia khi đem ra áp dụng bị thất bại là điều không thể tránh khỏi.

Như vậy, trước Hàn Phi, tư tưởng pháp trị đã được hình thành khá sớm trong lịch sử Trung Quốc cổ đại và trải qua quá trình phát triển, song các đại biểu khi đó mới chỉ đạt được những thành tựu tư tưởng trên những mặt nhất định. Sự nghiệp thống nhất và phát triển đất nước của Trung Quốc lúc đương thời đòi hỏi tư tưởng pháp trị phải được thống nhất và phát triển lên một trình độ mới. Đón nhận sứ mệnh này, *Hàn Phi đã tiến hành tổng kết toàn bộ tư tưởng của các pháp gia tiền bối* và phát triển lý luận pháp trị trên cơ sở những thành tựu nghiên cứu đó. Trong khi xác nhận những yếu tố hợp lý, đúng đắn của các quan điểm Pháp, Thế, Thuật, Hàn Phi cũng chỉ ra những hạn chế cụ thể của họ. Phê phán quan điểm phiến diện của cả ba phái, ông đã nêu rõ tính tất yếu phải hợp nhất chúng lại vì theo ông chúng có mối liên hệ mật thiết với nhau trong sự thống nhất không thể tách rời. Trước đây, Thân Bất Hại mới chỉ dừng lại ở việc lý giải Thuật là gì và nhấn mạnh yêu cầu nhà vua cần phải sử dụng thuật để trị nước. Tiếp thu tư tưởng của Thân Bất Hại, Hàn Phi đã chỉ rõ nhà vua cần phải sử dụng thuật như thế nào và có những thuật gì. Ông đã đi vào ngõ ngách của từng vấn đề để phân tích cho nhà vua thấy sự cần thiết phải có thuật và đề xuất một loạt các biện pháp để bổ sung tư tưởng đó, như: thuyết “hình danh”, hệ thống các thủ đoạn thống trị trong việc bổ nhiệm, miễn trừ, soát xét, thưởng phạt quan lại... Ông đã kế thừa, phát triển cả về bề rộng lẫn bề sâu, tạo cho “Thuật” có một nội dung mới, phong phú, hoàn chỉnh và sắc thái riêng. Từ Thân Bất Hại đi lên, nhưng Hàn Phi đã vượt lên người đi trước về phương diện thủ thuật chính trị. Tư tưởng về “Thế” do Thận Đáo xác lập được Hàn Phi tiếp thu và làm phong phú, sâu sắc hơn với những dẫn chứng lịch sử và so sánh trong thực tiễn xã hội. Trên cơ sở gắn Thế với vai trò người đứng đầu của

một quốc gia, quyền lực chính trị của nhà cầm quyền; ông đã bổ sung thêm nội dung khái niệm “Thế” và nâng nó lên một trình độ mới [1, tr.148-49]. Do đó, “Thế” qua sự trình bày của Hàn Phi có nội dung đầy đủ và rõ nét hơn, trở thành một yếu tố không thể thiếu được trong phương pháp trị nước của pháp gia. Bên cạnh đó, những quan điểm đề cao vai trò của pháp luật, chủ trương “thời biến, pháp biến”, giữ “tín” và coi trọng thưởng phạt trong thi hành pháp luật của Thương Ưởng đã được Hàn Phi Tử tiếp thu, phát triển thành một hệ thống quan điểm, nguyên tắc tương đối hoàn chỉnh, chặt chẽ, giá trị lâu dài và trở thành đỉnh cao của lý luận pháp luật phương Đông cổ đại. Là tập đại thành của học thuyết pháp trị, tư tưởng của các pháp gia đi trước trở thành tiền đề tư tưởng, chất liệu và nền tảng quan trọng để Hàn Phi Tử kế thừa, nâng lên một trình độ mới và phát triển thành học thuyết pháp trị.

Song, đề lý thuyết pháp trị vươn tới tầm một hệ tư tưởng, Hàn Phi *còn kế thừa, tiếp thu cơ sở lý luận từ các học thuyết Nho gia, Lão gia và phát triển chúng theo quỹ đạo của pháp trị.* Nhờ sự bổ sung này, pháp trị đã trở thành một học thuyết hoàn chỉnh với các bộ phận gồm: nhân sinh quan, thế giới quan và phương pháp luận. Cuối thời Chiến quốc, tận mắt thấy cảnh tranh giành, xâu xé lẫn nhau, Tuân Tử chủ trương lý giải mọi biến động lịch sử bằng *tính ác luận*. Với ông, *tính là cái tự nhiên* của con người, là cái *sinh ra đã có sẵn*. Ông cho rằng *tính người hay bản chất con người là xấu*, cái xấu do bản năng sinh lí qui định “con người háam lợi từ khi lọt lòng mẹ” (sinh nhi háo lợi) và “con người sinh ra đã muốn thoả mãn cái tai cái mắt, đã ham thích thanh âm sắc đẹp” (sinh nhi hữu nhĩ mục chi dục, hữu háo thanh sắc). Để thoả mãn những ham muốn và dục vọng đó *con người phải hành động thuận theo tính tự nhiên của mình*. Điều đó ắt dẫn đến *sự tranh giành, xâu xé, cướp bóc, chiếm đoạt* lẫn nhau. *Tính ác* được ông diễn tả: “Người ta sinh ra là hiếu lợi, thuận theo tính đó thì thành ra sự tranh đoạt lẫn nhau mà sự từ nhượng không có, sinh ra đổ kỵ, thuận theo tính đó thì thành ra tàn tặc mà lòng trung tín không có, sinh ra là có lòng muốn của

tai mắt, có lòng thích về thanh sắc, thuận theo tính đó mà thành ra dâm loạn mà lễ nghĩa, văn lý không có. Như thế thì theo cái tính của người ta, thuận theo cái tính của người ta tất sinh ra sự tranh đoạt, phạm vào cái phận (tức quyền lợi của nhau), làm loạn cái lí mà mắc cái lỗi tàn bạo. Cho nên phải có thầy, có phép để cải hoá cái tính đi, có lễ nghĩa để dắt dẫn nó, rồi sau mới có từ nhượng hợp văn lý mà thành ra trị. Xét vậy thì cái tính của người ta ác là rõ lắm, nó mà hoá thiện được là do công của người ta vậy" [4, tr.48]. Theo Tuân Tử, tính con người là tính thoả mãn ba nhu cầu chính: ăn, ngủ, truyền chủng; ngoài ra lại còn hiếu lợi, đồ kỵ. Tính người là ác vì nó *hay muốn nhiều* và luôn có khuynh hướng *đi quá trớn của lòng dục*, đó là *nguồn gốc của mọi tội ác, tai họa*. "Người ta sinh ra là có lòng ham muốn, muốn mà không được thì không thể không tìm tòi, đòi hỏi; tìm tòi, đòi hỏi mà không có chừng mực, giới hạn thì không thể không tranh. Tranh thì loạn, loạn thì khốn cùng" [4, tr.47]. Tiêu chuẩn phân định thiện, ác của Tuân Tử là tiêu chuẩn công lợi: cái gì đưa đến bình trị là thiện, cái gì đưa đến rối loạn là ác. Phương pháp trừ ác của Tuân Tử là phát huy công dụng giáo hóa của Lễ-Nghĩa để kìm hãm hành vi tham lam của con người. Ông cho rằng động cơ của mọi hành vi của con người là lòng *vị kỷ, vị lợi*. Thầy thuốc chữa bệnh, thợ mộc bán quan tài, đều muốn cho người ta ốm nhiều, chết nhiều. Những hành vi bề ngoài có vẻ tốt đẹp thì đằng sau nó đều có động cơ vụ lợi: Muốn người làm thuê thì ông chủ cho ăn ngon và trả tiền công không phải là vì yêu người làm thuê mà để người ta cày sâu và bừa kỹ. Người làm công ra sức cày bừa không phải là vì yêu chủ mà để được ông ta hậu đãi. Họ tử tế với nhau nhưng thực chất đều vì cái lợi của chính mình. Nói chung, lợi ở đâu thì dân theo về đấy, ở đâu có thể hiển danh thì kẻ sĩ sẵn sàng chết ở đó. Ông còn chứng minh rằng ngay quan hệ gần gũi được cho là thiêng liêng nhất là quan hệ giữa cha mẹ và con cái, người ta hành động cư xử với nhau cũng chỉ vì tư lợi: "Cha mẹ đối với con, sinh con trai thì chúc mừng nhau, sinh con gái thì giết đi, đó là vì nghĩ đến cái thuận tiện về sau, tính đến cái lợi

lâu dài. Do đó, cha mẹ đối với con cái vẫn còn dùng lòng tính toán đối xử với nhau, huống nữa là những người không có cái ân huệ của cha mẹ đối với con cái" [6, tr.505]. Hàn Phi đã xem *quan hệ lợi ích vật chất như là cơ sở của tất cả các quan hệ xã hội và hành vi* của con người. Lòng vị lợi của con người đã được ông cực tả đến mức tàn nhẫn thậm tệ. Ngay quan hệ cha con mà Hàn Phi còn cho rằng chỉ có sự tính toán vụ lợi thì quan hệ vua tôi làm sao có tình thương yêu thực sự. Ông nói: "Giữa vua và tôi, đã không có tình cốt nhục mà cái lợi hại còn khác nhau, nếu không muốn nói là ngược nhau: Bề tôi muốn không có công mà được thưởng, còn vua thì muốn bề tôi phải hy sinh cho mình mà đừng kể công. Đã ở cái thế muốn không công mà được thưởng, còn vua thì muốn bề tôi bó buộc không thể không thờ vua thì bề tôi tất luôn luôn dò xét lòng vua. Không một lúc nào ngừng" [4, tr.47]. Hàn Phi còn nêu lên một nguyên nhân khiến cho việc tranh lợi ngày càng gay gắt là do dân số ngày càng đông trong khi của cải không tăng nhiều. Ông viết: "Thời cổ đản ông không phải cày ruộng, trái cây và hột có đủ ăn rồi; đản bà không phải dệt vải, da cầm thú đủ để che thân rồi. Họ không phải gắng sức mà đủ ăn đủ mặc, nhân dân ít mà vật dụng thừa, cho nên không tranh giành nhau. Vì vậy khỏi phải thưởng hậu phạt nặng mà dân tự nhiên khỏi loạn. Ngày nay một người có năm người con không phải là nhiều, mỗi người con lại có năm người con nữa, thành thử ông chưa chết mà đã có hai mươi lăm đứa cháu, vì vậy nhân dân đông mà tài sản ít, phải lao lực nhiều mà thức ăn đồ mặc lại ít, cho nên họ phải tranh giành nhau, dù có thưởng hậu gấp hai, phạt nặng gấp mấy thì cũng không tránh khỏi loạn" [5, tr.392]. Hàn Phi đã luận chứng một cách thuyết phục về pháp trị, theo ông, *tính ác* - với tính cách là bản tính tự nhiên của con người, là cái mà việc trị nước an dân phải kiềm chế và loại bỏ. "Nho gia phát triển đến Tuân Tử với chủ trương tính bản ác của con người thì bắt đầu nhường bước cho pháp gia vì một khi người đó có tính ác thì phải dùng hình pháp để đưa con người về với đường thiện" [7, tr.43]. Pháp gia đã đẩy quan niệm bản tính con người

là “ác” vốn còn “ôn hòa” của Tuân Tử trở thành “cực đoan” đến nỗi tính “ác” đó trở thành tuyệt đối, vĩnh cửu trong mọi không gian, thời gian. Từ học thuyết “ác tính” mang tính cách mạng lúc bấy giờ của Tuân Tử, Hàn Phi đã xây dựng cho mình một cách nhìn nhận mới; từ đó xây dựng nên lý thuyết về tính tư lợi của con người cũng như cả học thuyết đồ sộ của mình [1, tr.68]. Hậu quả tự nhiên của thuyết tính ác là phải cai trị và quản lý xã hội bằng pháp luật phải dùng hình phạt nặng để sửa trị thiên tính ấy của con người để đảm bảo trị an xã hội. Bằng lý luận về “tính ác”, Hàn Phi đã luận chứng cho tính *tất yếu phải cai trị bằng pháp luật và xã hội cần phải có đẳng cấp chỉ huy* - tức là *phải có vua quan đặt ra phép nước để cai trị dân*.

Nếu như thuyết tính ác của Hàn Phi có nguồn gốc từ Tuân Tử thì thuyết *Danh Thực* của ông được bắt nguồn từ thuyết chính danh của Khổng Tử; được Mạnh Tử và Tuân Tử tiếp tục đề cao. Chính danh là một nội dung quan trọng trong học thuyết chính trị của Khổng Tử, nó nhắc nhở nhà cầm quyền nhớ đến bốn phận của họ và có giá trị trong việc thiết lập kỉ cương xã hội. Tuy nhiên, nếu Khổng Tử viết *Xuân thu* để “chính danh tự, định danh phận, ngụ bao biếm” [3, tr.254], ông cho rằng: *danh phận được sắp đặt tự nhiên*) và yêu cầu mỗi người phải tự sửa mình để cho cái *thực* xứng với cái *danh* ấy thì Tuân Tử chủ trương việc chế danh, ấn định ý nghĩa cho danh đó là quyền của vua, không ai được tự ý chế danh, đặt sai ý nghĩa các danh mà nhà vua đã định. Tuân Tử cũng đặt vấn đề “thực cùng thì danh cùng”, “thực khác thì danh cũng phải khác” - nghĩa là Danh và Thực phải hợp nhau. Hàn Phi đã *kế thừa, tiếp thu tư tưởng của thầy và phát triển thành lý luận về hình danh* cho pháp trị: “Cái đạo bất biến của việc cai trị là lấy cái danh (tên gọi) làm đầu. Cái danh đã chính thì sự vật được xác định. Cái danh là thiên lệch thì sự vật thay đổi” [6, tr.68]. Như vậy, Khổng Tử là người đầu tiên lập nên thuyết chính danh nhưng chính Tuân Tử mới là người trình bày đầy đủ nhất về nó. Khi truyền bá học thuyết chính danh thì Khổng Tử đã khởi xướng lý luận đầu tiên cho ý

tưởng về pháp trị một cách không tự giác. Tuân Tử lại phát triển “Chính danh” thêm và trở thành người đặt nền móng cho chủ trương của Hàn Phi. Đến đây, Hình danh trở thành quy tắc căn bản của Thuật dùng người của pháp trị và có nội hàm hoàn toàn khác xa với chính danh của Khổng Tử. Có thể nói, Khổng Tử giải quyết quan hệ giữa *Danh* và *Hình* chủ yếu dưới góc độ chính trị - đạo đức. Thuyết chính danh của ông có đặc điểm là “trọng đạo đức, xem nhẹ hình phạt, khuyến khích người đời phải tu thân thành mẫu người quân tử” [1, tr.124], thuyết đó cũng trọng danh hơn thực, trọng xưa hơn nay nên đã gạt ra ngoài nhiều giá trị đạo đức nhân loại phổ biến. Tuân Tử đề cập đến Danh dưới cả hai góc độ chính trị-đạo đức và nhận thức-logic, chính danh vừa đề *minh phận*, vừa đề *phân biệt* giống và khác nhau. Hàn Phi có óc thực tế hơn, ông chỉ sử dụng lý thuyết về quan hệ giữa Danh và Thực (hoặc Hình) trong nghệ thuật dùng người. Nhưng với quan điểm thừa nhận tính của con người là Ác, ông không đòi hỏi bọn quan lại phải có đạo đức, do đó ông hoàn toàn gạt bỏ tiêu chuẩn đạo đức ra ngoài và vì vậy, ông không hề nói đến chính danh mà chỉ nói đến *Danh* và *Hình* hoặc *Danh* với *Thực*.

Để thiết lập một hệ thống lý thuyết đồ sộ không chỉ đơn giản là tập hợp và bổ sung được nhiều tri thức của nhân loại và thời đại mà quan trọng hơn là học thuyết đó phải được xây dựng trên những tiền đề vững chắc của thế giới quan và phương pháp luận. Học thuyết chính trị của Hàn Phi cần đến cơ sở lý luận triết học làm nền tảng lý luận cho đường lối trị nước của mình; ông đã kế thừa, bổ sung, phê phán và phát triển các quan niệm Đạo và Đức do Lão Tử và Trang Tử khởi xướng để đề ra quan niệm Đạo và Lí cho lý thuyết pháp trị. Ông “đã hấp thụ và tổng hợp tư tưởng của Đạo gia, Nho gia đồng thời đã phát triển phạm trù lí của pháp gia thời kỳ trước, đã hình thành ra được tư tưởng “lí pháp” của mình” [7, tr.89]. Hấp thụ tư tưởng *lí* thiên nhiên của Đạo gia và xuất phát từ sự tôn sùng pháp luật (thượng pháp), các pháp gia đã qui định và phát huy thêm hàm nghĩa của phạm trù lí. Thương Ưởng cho rằng: lí là “lí tất nhiên” sự phát triển của sự vật - tức là xu thế tất

nhiên nào đó trong sự vận động của tự nhiên và xã hội (qui luật phát triển biến hóa của sự vật). Thận Đáo thì khẳng định lí là “lí trời đất”, tự nhiên vốn có của các sự vật (là qui luật của tự nhiên). Ông cũng liên hệ lí với pháp, lấy pháp lí trị quốc, làm cho lí mang màu sắc pháp luật. Phạm trù lí được Hàn Phi lí giải là cái biểu hiện cụ thể của đạo và để phân biệt giữa các sự vật với nhau, là qui luật nằm trong các sự vật. Từ Thương Ưởng, Thận Đáo đến Hàn Phi đều bàn về lí bằng pháp, cũng như các ông đều bàn về đạo bằng pháp; đó là căn cứ triết học các ông đã tìm ra để xây dựng nên lí luận pháp trị của mình. Trong nhận thức về quan hệ giữa đạo và lí, Hàn Phi và Trang Tử có một số điểm giống nhau, điều đó chứng tỏ Hàn Phi đã chịu ảnh hưởng của triết học Đạo gia. Tuy nhiên, “Hàn Phi khác với các Đạo gia. Trang Tử thì tự nhiên của lí trời đã đi tới kết luận về tự nhiên của đạo làm người. Còn Hàn Phi thì từ tự nhiên của lí trời đi tới những kết luận về hữu vi của đạo làm người và nhiệm pháp trị quốc. Pháp gia vừa có tính kế thừa về phạm trù lí và tư tưởng lí của Đạo gia, lại vừa có sự cải tạo và phát triển thêm. Chú trọng nhiều đến tính quy luật của đạo, chủ trương dùng hết sức lực con người để biến đổi xã hội, phản đối tự do chính trị, sử dụng các chính sách can thiệp nghiêm khắc là điểm khác biệt giữa Lão Tử và Hàn Phi. Pháp gia giải thích lí bằng pháp, đã đưa vào lí nội hàm của pháp và như vậy đã làm phong phú và phát triển phạm trù lí trong triết học của Trung Quốc” [7, tr.96-97]. Hàn Phi cho rằng, quan hệ giữa *đạo* và *lí* là quan hệ giữa bản nguyên và qui luật, giữa tuyệt đối và tương đối, giữa tính phổ biến và tính đặc thù. Theo ông, để thu được hiệu quả, con người phải nắm lấy cái Lí của vạn vật luôn biến hóa bất thường mà hành động. Ngoài ra, Hàn Phi cũng tiếp thu lý thuyết “Tham nghiệm” từ Mặc học để chứng minh tính không xác thực của nền nhân trị mà họ chủ trương theo lý giải của Khổng Tử. Đó là cơ sở để ông khẳng định rằng cách cai trị nhân trị lâu có kết quả và thiếu tính thực tiễn vì các vị thánh nhân như Nghiêu, Thuấn bao nhiêu đời mới có một trong khi xã hội luôn cần sự ổn định và trật tự.

Có thể nhận thấy: những tiền đề lý luận, lịch sử xã hội và luân lý đạo đức bắt nguồn từ các học thuyết về Đạo và Đức có tính truyền thống của triết học Trung Quốc nói chung và triết học Lão Tử nói riêng, quan điểm tiến hóa lịch sử và thuyết tính ác được khởi xướng từ Tuân Tử, lý thuyết tham nghiệm của Mặc Tử... đã được Hàn Phi Tử lí giải và vận dụng sinh động trong học thuyết của mình. Trong khi kế thừa các quan điểm lí luận từ những học thuyết tư tưởng khác, Hàn Phi cũng mang tính chủ đích rõ rệt. Với ông, “Đạo” là bản thể của thế giới, nguồn gốc của vạn vật, là khách quan tồn tại bên ngoài ý thức con người đồng thời là qui luật. Từ sự nghiên cứu Đạo trong tự nhiên, Hàn Phi mở rộng vào lĩnh vực chính trị-xã hội thành đạo trị quốc. Cho rằng Đạo là cái tất nhiên, ông muốn khẳng định tính tất yếu của con người phải dựa vào qui luật khách quan để tiến hành sản xuất và các hoạt động xã hội khác. Biểu thị một hy vọng của giai cấp thống trị phong kiến về một xã hội an lạc lâu dài, “Đạo tự nhiên” của Hàn Phi không chỉ thích ứng với hiện thực đương thời, mà còn đại biểu cho chế độ chính trị phong kiến tương lai. Ông đã dành hai thiên để giải thích tác phẩm “*Đạo đức kinh*” của Lão Tử bằng những thí dụ thực tế để hiểu phép trị nước (thiên 20 “Giải thích Lão Tử” và thiên 21 “Minh họa Lão Tử”). *Đạo đức kinh* là một tác phẩm thuần túy tư biện, với ông biến thành một tác phẩm thuần túy thực dụng, chứa đựng toàn mảnh khoé, mưu mô. Đó là đóng góp riêng của ông vào Thuật trị nước. Xét đến cùng, “Đạo tự nhiên” của Hàn Phi là khẳng định quy luật tự nhiên của hệ thống chính trị pháp, thuật, thế [1, tr.59]. Tuy kế thừa quan niệm Đạo của Lão Tử và Trang Tử, nhưng Hàn Phi đã phủ định những quan điểm thần bí của Lão Tử, gạt bỏ yếu tố duy tâm Trang Tử về Đạo và xác lập tư tưởng duy vật của mình trong khi lý giải về phạm trù này. Các thuyết Tính ác, Hình danh, đều mang màu sắc duy tâm, phiến diện; song ông tìm thấy ở đó những yếu tố hợp lý cho việc củng cố sức mạnh, thiết lập chính quyền trung ương tập quyền cao độ theo yêu cầu của giai cấp thống trị, nên chúng đã được sử dụng và cải tạo theo quỹ đạo của lý thuyết

pháp trị. Lễ nghĩa, Danh phận được cụ thể hoá trong pháp luật; vô vi được chuyển hoá thành quan hệ biện chứng vô vi-hữu vi; Kiêm ái là nội dung yếm thế nhất, ít được đề cập nhất trong pháp trị (thậm chí gần như bài bác hoàn toàn) nhưng Hàn Phi vẫn không thể không xem đây là mục đích cuối cùng của pháp luật.

Học thuyết của Hàn Phi được trình bày trên cơ sở tổng kết ba khuynh hướng tư tưởng của pháp trị, được xây dựng bằng dữ liệu lịch sử phong phú của Nho gia, thiết kế bằng phương pháp biện chứng của Lão gia, trở thành một hệ thống tư tưởng chặt chẽ, có nội dung phong phú và sức cuốn hút rất lớn. Nhờ được bổ sung cơ sở lý luận từ các học thuyết lớn tiêu biểu của thời đại, Hàn Phi đã tiếp thêm sinh lực và nâng tư tưởng pháp trị lên một tầm cao mới, trở thành một học thuyết cai trị- quản lý hoàn chỉnh và có nội dung phong phú. Đồng thời, vượt qua tư tưởng của các đại biểu pháp gia và của các nhà tư tưởng thuộc các học phái khác đương thời cả về bề rộng và bề sâu, học thuyết pháp trị của Hàn Phi trở thành một lý luận hoàn chỉnh, có tính chiến đấu cao và giá trị thực tiễn lớn. Đó là lời đáp cho câu hỏi vì sao tư tưởng pháp trị đã xuất hiện và có quá trình phát triển bởi các thế hệ pháp gia đi trước, song phải đến Hàn Phi mới trở nên sâu sắc, phổ biến với nhiều nội dung mới. Trong tất cả các học thuyết tư tưởng Trung Quốc cổ đại, *pháp trị là học thuyết duy nhất có sự kế thừa, hàm chứa những mặt, những yếu tố của những học thuyết khác nhiều nhất*. Nhờ sự tiếp nhận và phát triển quan điểm của những học thuyết khác, pháp trị đã tạo ra sức mạnh tổng hợp lớn lao trong việc khẳng định tư tưởng và tìm ra *cách giải quyết vững chắc và toàn vẹn nhất* trong vấn đề trị quốc. Hàn Phi thành vĩ đại vì ông biết nâng pháp trị lên thành hệ tư tưởng nhờ chỗ ông có một học vấn Nho giáo hết sức uyên bác và một am hiểu Lão giáo sâu sắc; nhưng mặt khác, ông lại khác với các chủ trương của Khổng và Lão. Hàn Phi đã có công tổng kết và hoàn thiện các quan điểm trị nước của ba phái pháp gia thành một học thuyết có tính hệ thống trên nền tảng học thuyết về “Đạo” của Đạo gia, tư tưởng “Chính danh”, “Tôn quân” của Nho gia. “Dựa vào quan

niệm của Đạo gia về nhân sinh và hấp thụ những tư tưởng đại cương của Nho gia và tư tưởng Chính danh sắc thực của Mặc gia, Pháp gia thật là một thuyết lý chính trị có hệ thống”. Pháp-Thế-Thuật là nội dung, nguồn gốc và bản thiết kế trực tiếp; song nguồn gốc sâu xa của nó lại là Nho và Lão. Trong đó “Nho là vật liệu” xây dựng, “Lão là kỹ thuật thi công” của cái ngôi nhà độc đáo. Vì thế, ông được xem là *người tiêu biểu nhất cho pháp gia và là tập đại thành các tư tưởng về pháp trị* trước đó.

Khác với các học thuyết Đạo gia, Nho gia, Mặc gia được khởi xướng từ các vị giáo tổ và ngay từ đầu đã nêu ra một số nguyên tắc lý thuyết làm chủ thuyết; sự hình thành của học thuyết pháp trị được bắt đầu từ những học phái tư tưởng riêng rẽ với các đại biểu là những chính trị gia. Họ không có mối quan hệ thầy trò của nhau cũng không có liên hệ trực tiếp với nhau trong cuộc sống. Lý thuyết pháp trị được bắt đầu từ thực hành chính trị và được bổ sung qua thực tiễn lịch sử. Không như những qui luật của dòng chảy bắt nguồn từ thượng nguyên, khi xuống đến hạ lưu thì phát triển thành các nhánh chi lưu; trái lại, sự ra đời của pháp trị được đánh dấu bằng kết quả hội tụ của các chi lưu để tạo thành dòng thác lớn, mỗi học phái là một dòng chảy độc lập nhưng được hội tụ chung về một đích. Tổng hợp toàn bộ những tư tưởng pháp thuật của những người đi trước, tiếp nhận và phát triển quan điểm của những học thuyết khác trong quỹ đạo của vấn đề pháp trị, Hàn Phi Tử đã phát triển và định vị vững chắc tư tưởng hình pháp. Dung hoà, kết hợp được toàn bộ các quan điểm độc lập, riêng rẽ về “Pháp”, “Thế”, “Thuật” thành một khối; vừa phát triển hoàn thiện vừa thống nhất các học khác nhau trong một học thuyết duy nhất, học thuyết của ông trở thành sự kết tinh của tư tưởng pháp trị, tư duy về pháp luật và những yếu tố “pháp” trong những học thuyết khác trên cơ sở nâng cao hơn về chất toàn bộ những tư tưởng, biểu hiện pháp luật tàn bạo, tự phát trong lịch sử Trung Hoa cho đến cuối thời Chiến Quốc; đưa tư tưởng pháp trị sang một giai đoạn mới và trình độ cao hơn. Hàn Phi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lịch sử giao phó và trở thành vĩ đại vì ông đã

nâng các tư tưởng pháp trị lên thành một hệ tư tưởng và trở thành đại biểu toàn bộ lý thuyết pháp gia. Bằng sự kế thừa có chọn lọc kết hợp với những kiến thức thực tế, ông đã để lại cho chúng ta một học thuyết có giá trị đến ngày hôm nay. Với tư cách là một nhà tư tưởng, Hàn Phi đã xây dựng học thuyết của mình và đi đến những kết luận mà trí tuệ dẫn tới. Điều làm nên sự vĩ đại ở Hàn Phi cũng giống như Arixtôt, hơn những nhà tư tưởng cùng thời ở chỗ ông không những kế thừa được những tinh hoa tư tưởng triết học của thời đại mà còn tổng kết, tìm ra những giá trị tiến bộ của những tư tưởng đó và nâng chúng lên tầm cao mới. Nhờ sự tổng hợp các học phái, thấu nạp các tinh hoa tư tưởng của thời đại và không ngừng bổ sung, phát triển; Hàn Phi Tử đã tạo nên sức mạnh to lớn cho tư tưởng pháp trị và học thuyết của ông đã trở thành sự lựa chọn của lịch sử, đưa lịch sử Trung Quốc sang trang mới, tạo ra những ảnh hưởng lớn lao trong lịch sử phong kiến Trung Hoa và các nước trong khu vực.

## 2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu

Nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của học thuyết pháp trị chúng ta thấy: chính thực tiễn là nơi đặt ra yêu cầu cho lý luận giải đáp, song thực tiễn cũng luôn kiểm nghiệm, sàng lọc nghiêm khắc để đi đến sự lựa chọn duy nhất đúng là học thuyết pháp trị. Từ quá trình hình thành và phát triển của học thuyết pháp trị, thêm một thực tiễn lịch sử để khẳng định: tư tưởng cũng như hiện thực cuộc sống không đứng yên mà luôn vận động, ngày càng được phù sa, hoàn thiện. Chỉ có học thuyết tư tưởng nào được ra đời trên cơ sở tổng kết thực tiễn, được kế thừa và tiếp thu có chọn lọc những giá trị tư tưởng mới, thì học thuyết đó mới có khả năng giữ được vai trò lịch sử tiên phong; thực hiện được chức năng giải thích thế giới và cải tạo thế giới phù hợp với những qui luật của bản thân nó. Tìm hiểu quá trình hình thành của học

thuyết pháp trị cũng góp phần khẳng định tính khách quan, chân lý khoa học của học thuyết Mác-Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn; đặc biệt, trong khi khẳng định tính quyết định của thực tiễn với lý luận thì đồng thời cũng cho thấy vai trò cực kỳ quan trọng của lý luận trong việc mở đường cho thực tiễn đi lên. Ý nghĩa thiết thực của việc tìm hiểu sự hình thành và phát triển của học thuyết pháp trị, một học thuyết đã từng thành công trong lịch sử, đối với công tác lý luận phải thường xuyên tổng kết thực tiễn, bám sát để nắm bắt được đúng những yêu cầu của thực tiễn; đồng thời lý luận phải luôn được bổ sung những giá trị mới trong kho tàng nhân loại và thời đại để không ngừng phát triển hoàn thiện. Sự hình thành, phát triển của học thuyết pháp trị cũng để lại cho chúng ta một bài học lớn là: bất cứ lý luận nào, dù là sự khái quát đúng đắn kinh nghiệm hoạt động thực tiễn của con người trong một phạm vi không gian và thời gian nhất định, nhất thiết đều phải được tiếp thu có chọn lọc và được vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể; không thể áp dụng rập khuôn, sao chép, giáo điều.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Duy Anh, Trung Hoa sử cương từ thượng cổ đến ngày nay, Nxb Quan Hải Thư, Huế (biên dịch 1992).
- [2] Việt Đãng Lê Văn Đượ: Thuật trị nước của người xưa, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 1991.
- [3] Trần Trọng Kim (1930), Nho giáo, quyển Thượng, Hà Nội, 1930.
- [4] Nguyễn Hiến Lê - Gián Chi (1994), Tuân Tử, Nxb Văn hóa, 1994.
- [5] Nguyễn Hiến Lê - Gián Chi, Hàn Phi Tử, Nxb Văn hóa, 1995.
- [6] Phan Ngọc, Hàn Phi Tử, Nxb Thông tin, 1998.
- [7] Trương Lập Văn (chủ biên): Lý- Triết học phương Đông, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.

## The Formation and Development of Legal Doctrine in Ancient China and Theoretical Implications Today

Đỗ Đức Minh

*VNU, Inspection and Legislation Department, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** In the rich and vibrant development of the trends of thought called: “Hundred Schools of Thought” in Ancient China, the rule of law doctrine, or legalism founded by Hàn Phi Tử (Han Fei Zi) appeared on the political stage as the last school but quickly become a sharp theoretical weapon of the Qin Dynasty in ending the chaos and unifying China. As one of the most influential theories of political ideology in the ancient time, the legalism contributes to enrich the unique values of Oriental thought and treasure of humanity in general and continue to assert positive contemporary practices today.

*Keywords:* Rule of law doctrine, Theory, Ancient.